

Hướng dẫn công bố quốc tế trong lĩnh vực luật cho sinh viên UEL

Đoàn Thanh Hải, Đoàn Thị Phương Diệp*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Xuất bản trên một tạp chí quốc tế, đặc biệt là trong lĩnh vực khoa học xã hội và luật, là một chặng đường gian truân và thử thách nhưng kết quả mà nó đem lại là rất ngọt ngào. Những hiểu biết cơ bản về quá trình này có thể giúp thúc đẩy hiệu quả và tốc độ của việc công bố quốc tế; tuy nhiên, các tác giả trẻ lại thường không trang bị đầy đủ những kiến thức như vậy. Nhằm đem lại một góc nhìn giúp ích cho việc chuẩn bị viết và xuất bản trên các tạp chí học thuật quốc tế liên quan đến nghiên cứu pháp lý của sinh viên và học giả trẻ (các tác giả trẻ), bài báo này trình bày kinh nghiệm của các tác giả từ quá trình xuất bản bao gồm những phản hồi được nhận và những lời khuyên từ các học giả quốc tế có kinh nghiệm. Bài báo chỉ tập trung vào một số vấn đề mang tính thiết yếu và thực tiễn trong việc xuất bản bao gồm việc phân loại và lựa chọn tạp chí luật, cách tiếp cận một công bố quốc tế và những khó khăn đối với các tác giả trẻ của UEL để xuất bản trên tạp chí quốc tế và các giải pháp. Bài viết sẽ không đề cập đến một số vấn đề mang tính lý thuyết, ví dụ, tầm quan trọng của xuất bản trên một tạp chí học thuật quốc tế hoặc vai trò của nghiên cứu đối với các tác giả trẻ. Bài viết này chỉ trình bày những hiểu biết cơ bản về việc đăng bài cho một tạp chí quốc tế có liên quan tới khoa học xã hội và luật học và sẽ không trình bày những vấn đề về việc đăng bài trong kỷ yếu hội thảo, chương sách hoặc các chủ đề không liên quan tới khoa học xã hội và luật học. Bài báo kết luận rằng (i) các tác giả trẻ UEL có thể có khả năng công bố quốc tế; (ii) Các tạp chí quốc tế có thể được phân chia theo (ii.1) yêu cầu về nội dung và cách thức cấu trúc, hoặc (ii.2) theo đánh giá chất lượng; (iii) các tác giả cần (iii.1) tìm hiểu về mối quan tâm của tạp chí, (iii.2) chọn những chủ đề nghiên cứu thú vị và mới mẻ; (iv). các khó khăn của các tác giả trẻ gồm chưa nắm rõ hệ thống công bố quốc tế, và hạn chế về mặt kiến thức, kỹ năng. Do đó cần trang bị cho họ các hiểu biết cơ bản về công bố quốc tế, cấu trúc lại môn học "Kỹ năng nghiên cứu khoa học/luật học" và hệ thống môn học của UEL, khuyến khích công bố và đẩy mạnh chất lượng công bố quốc tế.

Từ khóa: Phân loại tạp chí luật, Lựa chọn tạp chí luật, Lựa chọn vấn đề nghiên cứu, Cách tiếp cận công bố quốc tế

Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐHQG HCM, Việt Nam

Liên hệ

Đoàn Thị Phương Diệp, Trường ĐH Kinh tế - Luật, ĐHQG HCM, Việt Nam
Email: diepdt@gmail.com

Lịch sử

- Ngày nhận: 9/12/2020
- Ngày chấp nhận: 19-3-2021
- Ngày đăng: 08-5-2021

DOI: 10.32508/stdjelm.v5i2.735



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



GIỚI THIỆU

Công bố quốc tế là một vấn đề được quan tâm bởi cộng đồng học giả trên khắp thế giới; nó là một trong các thông số thể hiện chất lượng nghiên cứu, giảng dạy, và học tập của các trường đại học, các học giả, và cả sinh viên. Chính những điều này đã dẫn đến nhu cầu nghiên cứu về việc công bố quốc tế và hướng dẫn về công bố quốc tế để cộng đồng học giả có thể vừa đồng thời đánh giá được hiệu quả và giá trị của công bố quốc tế, vừa nâng cao, đẩy mạnh chất lượng nghiên cứu của bản thân cũng như đảm bảo cho môi trường học thuật được trong sạch. Murray R. đã có những trình bày tổng quát về công bố [quốc tế] trong quyển "[Kỹ năng] Viết cho các tạp chí học thuật" (Writing for academic journals)¹. Vấn đề tạp chí kém chất lượng đã được đề cập đến bởi nhiều học giả trong đó có Dobusch². Trong khi đó, vấn đề về các chỉ số của tạp chí và những vướng mắc có liên quan đã được đề cập đến bởi Steele và cộng sự³. Những điều trên đây cũng đúng đối với cộng đồng nghiên cứu về khoa học xã hội và luật. Tuy nhiên,

việc công bố quốc tế trong mỗi lĩnh vực khoa học, bên cạnh việc chia sẻ những nguyên tắc chung như tính hệ thống, sự liên chính, cũng có những điểm khác biệt riêng xuất phát từ những đặc trưng của lĩnh vực khoa học. Do đó, việc công bố quốc tế và các nghiên cứu công bố quốc tế bên cạnh việc chú ý đến những nguyên tắc, quy trình chung, cũng đòi hỏi phải xem xét đến những đặc điểm của lĩnh vực nghiên cứu. Điều này dẫn tới sự ra đời của nhiều nghiên cứu, hướng dẫn, và thậm chí là tranh luận trong cộng đồng học giả về khoa học xã hội và luật. Ví dụ, các nghiên cứu và tranh luận về việc phân loại tạp chí luật trong các bối cảnh khác nhau và bởi những chỉ số khác nhau đã được đề cập đến bởi Crespi^{4,5}, Korobkin⁶, Genoni và cộng sự⁷, hay Jarvis và cộng sự⁸. GS Van Gestel đã trình bày sự so sánh giữa việc xếp hạng tạp chí luật, cái có tác động rất lớn tới mức độ "đanh giá" của các trường luật, ở Hoa Kỳ và Châu Âu⁹. Luật là một trong những lĩnh vực mà việc xuất bản là rất khắc nghiệt khi đòi hỏi nhiều công sức và thời gian; nó cũng là một trong những lĩnh vực chậm chạp nhất

Trích dẫn bài báo này: Hải D T, Diệp D T P. **Hướng dẫn công bố quốc tế trong lĩnh vực luật cho sinh viên UEL.** *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.*; 5(1):1473-1487.

với những biến đổi trong cuộc “cách mạng” về xuất bản. Những hạn chế trong việc bình duyệt và xuất bản các tạp chí luật đã được đề cập tới sớm nhất bởi GS Fred Rodell của Trường Luật Đại học Yale (Yale Law School) một trong những GS thẳng tính và kỳ lạ bậc nhất của giới học thuật Hoa Kỳ vào năm 1936, và sau đó là bởi Saunders¹⁰ và Doyle¹¹. Các nghiên cứu thực chứng về công bố trong lĩnh vực luật đã được tiến hành bởi Smyth ở Úc¹² hay Shapiro và cộng sự ở Hoa Kỳ¹³.

Ở Việt Nam, những nghiên cứu, bài viết học thuật về công bố quốc tế còn tương đối hạn chế. Chúng chủ yếu tập trung vào những kiến thức cơ bản về công bố quốc tế, ví dụ, TS Hoàng Xuân Trung cảnh báo về “những tạp chí “ăn xổi”” nhằm rung lên hồi chuông về các tạp chí quốc tế kém chất lượng cho những nhà nghiên cứu chưa có nhiều kinh nghiệm¹⁴. Tuy nhiên, điều đáng buồn là, so với các lĩnh vực như kinh tế, được, các nghiên cứu, hướng dẫn, và hiểu biết về công bố quốc tế trong lĩnh vực luật là hạn chế hơn. Bởi, như đã trình bày, việc công bố quốc tế trong lĩnh vực luật là tương đối khắc nghiệt và thường chỉ được trải nghiệm bởi những học giả đã có tên tuổi, vốn chiếm số lượng không nhiều tại Việt Nam. Do đó, việc nhìn nhận công bố quốc tế trong lĩnh vực luật như một vấn đề mà các tác giả trẻ, đặc biệt là sinh viên, hoàn toàn có khả năng thực hiện được nếu như được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cơ bản vẫn chưa được đặt ra hay được nhìn nhận một cách đúng đắn.

Nhận định ở đoạn trên được chúng tôi đưa ra là đặc biệt phù hợp trong bối cảnh của UEL. Dù rằng quan điểm tại phần này của chúng tôi cần thiết phải được khẳng định bởi một nghiên cứu và khảo sát định tính của một mẫu đủ mang tính minh họa về đối tượng là sinh viên UEL – điều có lẽ sẽ là chủ đề nghiên cứu của chúng tôi trong một tương lai không xa, các quan điểm này là có cơ sở, dựa trên kinh nghiệm và trải nghiệm của chúng tôi, cả dưới góc độ là những người đã giảng dạy nhiều năm cũng như là người đã từng học luật ở Trường Đại học Kinh tế - Luật (UEL).

Hiện tại, dù sinh viên UEL thiếu hụt những kiến thức cơ bản về công bố quốc tế - điều mà hoàn toàn có thể bắt gặp được đối với sinh viên luật của đại đa số các trường đại học, sinh viên luật UEL có năng lực nghiên cứu và tiềm năng đủ sức thực hiện các công bố quốc tế. Điều này thể hiện qua mấy điểm như sau:

Thứ nhất, Đại học Quốc gia TP HCM (VNU HCMC) và UEL có định hướng quốc tế hóa và có năng lực quốc tế hóa. Sinh viên luật UEL thường xuyên được trải nghiệm, bao gồm cả việc tham gia và tổ chức, các sự kiện trao đổi và học thuật quốc tế lớn bao gồm hội nghị của cộng đồng pháp ngữ Confrasié, chuỗi seminar kỹ năng của REI Vietnam, hoạt động đại sứ

sinh viên Đông Nam Á (P2A nay đã được đổi tên nay University Ambassador), các hoạt động workshop và seminar thường xuyên trong năm học với các tổ chức và trường đại học nước ngoài như BABSEACLE, ICC, Đại học Gloucestershire (Anh), Đại học Newcatlse (Úc), Đại học Keio (Nhật Bản), Đại học ChenKung (Đài Loan),... và nhiều trường đại học nổi tiếng trong khu vực Đông Nam Á. Một số học phần về luật của UEL, đặc biệt là dành cho sinh viên các lớp tài năng và chất lượng cao được giảng dạy chung với sinh viên quốc tế. Những điều này cho phép sinh viên luật UEL có cơ hội trao đổi, mở rộng góc nhìn cũng như rèn luyện khả năng ngoại ngữ. Quan trọng hơn, việc hợp tác quốc tế đã lĩnh vực cho phép sinh viên luật UEL có thể trải nghiệm việc học tập và nghiên cứu dưới sự giảng dạy và hướng dẫn bởi các GS Quốc tế trong một thời gian đáng kể. Trong những năm trở lại đây, Khoa Luật và Trung tâm Pháp luật Hoa Kỳ (ALC) đã tổ chức nhiều khóa học mùa hè (Summer School) kéo dài trong vòng một tháng. Các lớp học này được giảng dạy bởi các giáo sư đến từ Hoa Kỳ như GS Steven David (Thẩm phán Tòa Tối cao bang Indiana và là GS của ĐH Indiana), GS John Hill, Max Huffman, Xuan-Thao Nguyen (ĐH Indiana), GS Lan Cao (đã từng dạy ở Duke Law School và Michigan Law School) GS Huyen Pham (Texas M&A)... Trong năm 2019, ALC đã tổ chức một lớp học tiếng anh pháp lý kéo dài gần một học kỳ với cô Miki Hamstra, phụ trách chương trình sau đại học của Trường Luật Robert McKinney, ĐH Indiana. Những lớp học này đã trang bị cho sinh viên UEL những kiến thức cơ bản và quan trọng về các thuật ngữ pháp lý, hệ thống và tinh thần của hệ thống thông luật (kiểu Mỹ), và các kiến thức cơ bản trong một số lĩnh vực theo pháp luật Hoa Kỳ,... những điều rất hữu ích cho sinh viên trong việc thấu hiểu hệ thống pháp lý và hệ thống đào tạo, học thuật của Hoa Kỳ và từ đó tiến hành các nghiên cứu so sánh.

Thứ hai, dù có điều kiện học tập tiếng anh tương đối hạn chế (do vị trí xa trung tâm của UEL) nhưng nhìn chung, sinh viên UEL có khả năng tiếng anh đáp ứng được việc nghiên cứu và công bố quốc tế. Điểm số các bài thi chuẩn hóa về ngoại ngữ của sinh viên luật UEL là đáng ghi nhận (chuẩn đầu ra vào khoảng 5.5 IELTS, một số sinh viên có điểm IELTS cao, từ 7,5 – 8,5), dù nhìn chung, phổ điểm này của sinh viên luật UEL mặc dù có thể chưa cao bằng sinh viên luật của một số cơ sở đào tạo luật khác thế nhưng con số này là đáng ghi nhận.

Thứ ba, một số sinh viên luật của UEL đã làm quen với việc nghiên cứu và nghiên cứu quốc tế dù rằng kinh nghiệm và hiểu biết có thể còn hạn chế. Đội CLE, các tổ chức thanh niên trực thuộc khoa Luật và CLB LRAC (khoa Luật Kinh tế) đã và đang thực hiện

những chuyên san pháp lý cho sinh viên và giảng viên trẻ hết sức chất lượng. Chuyên san của CLB LRAC được định dạng theo chuẩn OSCOLA, là chuẩn trích dẫn bài viết pháp lý được tạo ra bởi Đại học Oxford (Oxford Standard for Citation of Legal Authorities) và được sử dụng rộng rãi ở nhiều trường đại học thuộc Vương Quốc Anh và trong các cuộc thi phiên tòa giả định quốc tế (Moot Court), và ở một số trường đại học nước ngoài; điều này thể hiện khát vọng quốc tế hóa và hội nhập hóa của sinh viên UEL. Trong khi đó, tạp chí Luật gia trẻ (Young Lawyers Journal) là một trong những tạp chí hiếm hoi được biên tập, bình duyệt và tham gia viết bài bởi giảng viên với nhiều chuyên mục khác nhau, theo mô hình của tạp chí quốc tế, bao gồm bài viết nghiên cứu, bài viết bình luận,... Sinh viên luật UEL cũng đã viết bài và công bố nhiều bài viết trên các tạp chí uy tín trong nước (danh mục HDGSNN) và các tạp chí quốc tế dành cho sinh viên. Khả năng nghiên cứu của sinh viên luật UEL còn thể hiện qua thành tích cao tại các cuộc thi Moot trong nước và quốc tế như (IHL Moot, Vmoot,...)

Thứ năm, UEL là một trong số ít các trường đã có sinh viên công bố bài viết trên tạp chí quốc tế¹⁵ cũng như là hội nghị khoa học quốc tế (the 16th Asian Law and Economics Association Conference...).

Do đó, các tác giả tin rằng, việc cung cấp các hiểu biết và kiến thức cơ bản trong bài viết này, cũng như đặc biệt là việc phân tích các khó khăn và đề ra giải pháp trong phần cuối cùng của bài viết có thể đẩy mạnh số lượng và nâng cao chất lượng công bố quốc tế cho sinh viên luật UEL. Bài viết này do đó, trước hết sẽ trình bày những kiến thức cơ bản trong việc phân loại và lựa chọn tạp chí (Mục 1 Phần II), gợi ý sơ khởi cho việc lựa chọn vấn đề nghiên cứu (Mục 2 Phần II) và chỉ ra những khó khăn, cũng như đề ra giải pháp ở Mục 3 Phần II.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Phân loại và lựa chọn tạp chí luật

Phân loại tạp chí luật

Đầu tiên, trước khi bắt tay vào việc xuất bản các nghiên cứu, các tác giả trẻ cần có cái nhìn tổng quan về các loại tạp chí và giá trị tương ứng của các tạp chí.

Theo yêu cầu về nội dung và cách thức cấu trúc

Một cách tương đối chung, Baxter phân chia các tạp chí thành ba nhóm lớn: (i), tạp chí học thuật (academic journals): Là các tạp chí được viết bởi và hướng tới giới học thuật. (ii), tạp chí nghề nghiệp (professional/practitioner journals): Là các tạp chí được viết bởi cả giới học thuật lẫn giới hành nghề một cách chuyên nghiệp (16). (ii) tạp chí phổ thông: bao gồm

một số tạp chí không thuộc hai nhóm vừa đề cập như báo, các bài viết ngắn, chương trình TV và radio; các tạp chí này thường ngắn và ít mang yếu tố hàn lâm¹⁶. Baxter không đưa ra những chi tiết cụ thể hơn để phân biệt giữa các tạp chí này, đặc biệt là giữa loại thứ nhất và loại thứ hai, đồng thời cách phân loại dựa trên chủ thể viết là không thực sự hợp lý. Bởi, giới học thuật (các học giả thiên về nghiên cứu lý thuyết) hoàn toàn có thể viết bài trên các tạp chí phổ thông và việc giới hành nghề công bố một bài viết nặng tính học thuật là điều rất bình thường. Thực ra, bên cạnh yếu tố chủ thể viết, trên bình diện thể giới, tạp chí học thuật và tạp chí nghề nghiệp còn có những khác biệt tương đối rõ nét. Cụ thể, *thứ nhất*, về hình thức, tạp chí học thuật thường chứa đựng nhiều yếu tố hàn lâm và nặng về lý thuyết hơn (tuân thủ các nội dung cấu trúc cơ bản của một bài viết học thuật, ví dụ sẽ có các phần: bối cảnh, lịch sử nghiên cứu và lịch sử các lý thuyết nghiên cứu có liên quan, hay câu hỏi nghiên cứu... Trong khi đó, các tạp chí nghề nghiệp thường ít chú ý tới việc đánh giá khung lý thuyết của vấn đề nghiên cứu hay lịch sử nghiên cứu hơn. Tuy nhiên, các tạp chí này có thể lại nặng về tính kinh nghiệm hơn, tức là các quan điểm được đưa ra phần nào có thể xuất phát từ đúc kết trong qua trình hành nghề của người viết, và do đó, chúng không đòi hỏi sự tuân thủ quá nghiêm ngặt về cấu trúc hay quá khắt khe về trích dẫn. *Thứ hai*, về dung lượng, tạp chí học thuật thường có dung lượng lớn hơn các tạp chí nghề nghiệp. Lý do cho điều này là bởi các bài viết trên tạp chí học thuật cần phải đáp ứng yêu cầu về cấu trúc, tính hệ thống về lý thuyết nghiên cứu, và tính chặt chẽ về nội dung. *Thứ ba*, xuất phát từ một và hai, các tạp chí nghề nghiệp thường trình bày các vấn đề mới, có thể mang tính đơn lẻ (hay vụ việc), và đồng thời mang tính cá nhân hóa [của tác giả] cao hơn.

Sự khác biệt giữa nhóm tạp chí nghiên cứu và tạp chí hành nghề có thể được hình dung thông qua việc so sánh nội dung giữa, ví dụ, bài viết trên tạp chí *Luật Quốc tế Hoa Kỳ (AJIL)* và blog *Opino Juris*, hai “diễn đàn” danh tiếng nhất về luật quốc tế. Cả hai diễn đàn đều tuân thủ quy tắc bình duyệt nghiêm túc và đòi hỏi bài viết được trình bày bằng văn phạm tiếng anh chính xác và lập luận chắc chắn, thuyết phục. Tuy nhiên, một bài viết trên blog *Opino Juris* có thể hoàn toàn không nặng nề về cấu trúc: Không có phần mở đầu, tình hình nghiên cứu,... Dung lượng của một bài viết chỉ dao động vào khoảng 1200-2000 từ; đối với bài viết có dung lượng dài hơn, phải được tách làm hai bài. Do đó, các trích dẫn được sử dụng hạn chế hơn. Các trích dẫn được hyperlink kèm nội dung bài viết chứ không được footnote hay phải tuân theo quy chuẩn trích dẫn trên bài¹⁷. Trong khi đó, bài viết nghiên

cứu (lead article) trên AJIL có dung lượng tới khoảng 25.000 - 30.000 từ, bao gồm một số lượng trích dẫn (chú thích) đáng kể, các tiểu luận ngắn lên đến 11.000 từ và thường có ít chú thích hơn bài viết về những phát triển gần đây trong lĩnh vực [luật quốc tế] có thể lên đến 11.000 từ...¹⁸ Đối với các bài viết nghiên cứu, AJIL không chấp nhận xuất bản các bài viết chỉ phân tích thuần túy về mặt lý thuyết pháp lý - ví dụ: việc liệu một lập luận trong một quyết định cụ thể của Tòa công lý Quốc tế ICJ là đúng hay sai; thay vào đó, các bài báo cần phân tích các vấn đề là mối quan tâm lớn, xuyên suốt và/hoặc đưa ra bức tranh toàn cảnh về mặt lý thuyết, thực chứng...¹⁹ Phần giới thiệu của bài viết phải (i) nêu rõ luận điểm của tác giả; việc mô tả chủ đề hoặc vấn đề là chưa đủ đáp ứng cho yêu cầu này. Tác giả cần giải thích ngắn gọn lập luận của mình...¹⁹; (ii) giải thích được luận điểm của tác giả có liên quan như thế nào với hệ thống các nghiên cứu hiện có¹⁹. Bài viết học thuật là một phần của cuộc trao đổi giữa các học giả và do đó, người đọc [khi đọc bài viết] phải có thể có khả năng hiểu rõ rằng đóng góp của tác giả phù hợp như thế nào với những gì đã được viết bởi các học giả đi trước, tức là bài viết bổ sung hoặc khác biệt như thế nào với các nghiên cứu trước đó¹⁹; (iii) Làm rõ lý do tại sao chủ đề và luận điểm của tác giả là quan trọng, về mặt học thuyết, thực chứng và/hoặc lý thuyết...¹⁹; (iv) (Một hoặc hai) đoạn cuối cùng của phần giới thiệu nên bao gồm một “lộ trình” giải thích ngắn gọn những gì sẽ được thực hiện trong các phần sau¹⁹. Các luận điểm và cách cấu trúc bài viết cần có mối quan hệ rõ ràng; tác giả nên cho người đọc thấy rõ tại sao bài báo có các phần và tiểu mục như vậy và tại sao những phần đó xuất hiện theo một thứ tự như vậy¹⁹. Phần kết luận nên có và nên trình bày lại luận điểm của tác giả và giải thích ngắn gọn cách lập luận, phân tích và bằng chứng được trình bày trước đó (19). Kết luận cũng nên giải thích bài báo đóng góp như thế nào đối với hệ thống nghiên cứu hiện có và tại sao tính học thuyết, thực chứng và/hoặc lý thuyết của phát hiện là quan trọng¹⁹. Tác giả có thể cần cân nhắc thảo luận về các hàm ý rộng hơn của bài báo, đối với, ví dụ, một lĩnh vực luật quốc tế khác hoặc nghiên cứu khác mà chính tác giả hoặc các học giả khác có thể thực hiện trong tương lai¹⁹. Tóm lại, rõ ràng, AJIL có những đòi hỏi khắt khe về hình thức hơn so với *Opinio Juris*, phù hợp với lập luận mà chúng tôi đã nêu ra ở phần trên.

Hiện tại, trong bối cảnh Việt Nam, chỉ tồn tại sự phân biệt giữa các tạp chí loại 1 – 2 với loại 3, ví dụ, các tạp chí và báo không nằm trong danh mục tạp chí của HĐGSNN và có dung lượng ngắn như Saigontimes, báo Pháp luật hay báo của các tạp chí học thuật-hành nghề, ví dụ, báo của tạp chí TAND hay tạp chí TAND

điện tử... là những tạp chí phổ thông và hướng tới người đọc là đại chúng trong khi đó, các tạp chí như Luật học, NNPL, TAND, Nghề luật... là những tạp chí học thuật-hành nghề. Thực tế, các tạp chí này dù nhận cả các bài viết mang tính nghiên cứu hay kinh nghiệm thì về hình thức, chúng thiên về hướng tạp chí hành nghề bởi ít đòi hỏi việc chứng minh các câu hỏi lý thuyết, phương pháp nghiên cứu hay lịch sử nghiên cứu.

Tuy nhiên, các đặc điểm nêu trên chỉ thích hợp để phân loại các tạp chí được biên tập một cách chuyên nghiệp và đảm bảo các giá trị học thuật, ngược lại, nếu một bài viết thuộc một tạp chí tự xưng là học thuật nhưng là một tạp chí dòm (predatory journal) thì chắc chắn có chất lượng học thuật không cao và đồng thời cũng không tuân thủ các quy chuẩn đạo đức nghiên cứu chặt chẽ như các tạp chí nghề nghiệp.

Nhìn chung, một tác giả khi công bố nghiên cứu của mình, dù ở một tạp chí học thuật quốc tế hoặc tạp chí nghề nghiệp [quốc tế], sẽ được coi là một công bố quốc tế dù rằng, công bố ở tạp chí nghề nghiệp có thể là bước đầu tiên trong việc công bố nghiên cứu của tác giả này (bên cạnh công bố ở hội thảo khoa học) và tác giả này hoàn toàn có thể bổ sung một số chi tiết để bài viết có thể được công bố ở một tạp chí học thuật.

Theo đánh giá chất lượng tạp chí thể hiện thông qua hệ thống phân loại và các nhóm thứ hạng

Với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và kỹ thuật, đặc biệt là mạng internet, trong khoảng ba mươi năm trở lại đây, ngành công nghiệp xuất bản cũng trải qua cuộc cách mạng lớn lao với sự phát triển nhanh chóng của các tạp chí nguồn mở (Open Access Journal hay OAJ). Ưu điểm của các tạp chí nguồn mở là tính dễ lan tỏa đến độc giả (công chúng) của loại tạp chí này. Ở những giai đoạn đầu tiên của cuộc cách mạng về tạp chí nguồn mở, và ngay cả cho đến nay, vẫn có một số tạp chí nguồn mở chân chính tiến hành thu phí của các tác giả để bù lại cho việc không đưa bài viết vào quá trình giao dịch tới người đọc. Các tạp chí dòm (predatory journal) đã lợi dụng xu hướng xuất bản mở để trục lợi². Tác giả sẽ đề cập chi tiết hơn vấn đề này ở phần thứ ba. Bên cạnh đó, ngay cả đối với các tạp chí không phải là tạp chí dòm, chất lượng học thuật của mỗi tạp chí cũng có những khác biệt nhất định, điều này đã dẫn đến nhu cầu cần thiết phải phân loại và xếp hạng tạp chí.

Tuy vậy, khác với các ngành khoa học tự nhiên như hóa học, vật lý, toán học nơi mà việc (phương pháp, công cụ, và quy trình) xếp hạng các tạp chí không chịu quá nhiều các tranh luận và được cho là phản ảnh tương đối rõ nét chất lượng nghiên cứu, việc xếp

hạng đối với các tạp chí thuộc các ngành khoa học xã hội và luật chịu nhiều tranh cãi hơn³.

Genoni và Haddow cho rằng “*có những lập luận xác đáng để cho rằng việc xếp hạng các tạp chí, đặc biệt trong lĩnh vực nhân văn, là một sự theo đuổi vô ích*” và [điều này] đe dọa sự tồn tại của nhiều tạp chí⁷. Tuy vậy, lập luận này rõ ràng là không thuyết phục. Một hệ quả đã xuất hiện và tồn tại một cách ngầm định trong lập luận của Genni và Haddow đó là, không thể phủ nhận rằng việc phân loại tạp chí giúp các nhà nghiên cứu hướng tới các tạp chí có chất lượng hơn và trau chuốt cho chất lượng của công trình của mình hơn. Ở một khía cạnh ngược lại, các tạp chí và nhà xuất bản kém chất lượng, nếu không cải thiện chất lượng, sẽ dần dần bị đào thải. Điều này tạo cho các tạp chí động lực phải ngày càng cập nhật và phải thực hiện việc bình duyệt và chỉnh sửa một cách ngày càng chuyên nghiệp, nghiêm túc hơn. Sự “*cạnh tranh để được xem là tốt hơn*” dẫn tới một hệ quả đó là, danh tiếng của tạp chí có tác động mạnh mẽ đến lượng lớn đọc giả tiếp cận nó. Ví dụ, ở Hoa Kỳ, nhiều thư viện có xu hướng đăng ký Tạp chí Luật Yale hơn là Tạp chí Luật Temple; một số nhà nghiên cứu, khi tìm danh sách các bài báo, có thể chọn đọc các bài báo từ các tạp chí có uy tín cao hơn và bỏ qua các bài báo khác⁵. Một hệ quả khác là danh tiếng của tạp chí có những ảnh hưởng nhất định đến uy tín của tác giả: một bài viết xuất bản trên một tạp chí uy tín hơn sẽ giúp ích cho sự nghiệp học thuật, đặc biệt là trong việc xin tài trợ, của các tác giả nhiều hơn^{8,20}. Crespi đã kết luận rằng “*hầu như tất cả mọi người trong giới học thuật chỉ trích những nỗ lực xếp hạng, nhưng hầu như mọi người cũng chú ý đến việc xếp hạng nhiều hơn mức mà họ sẵn sàng thừa nhận*”⁵. Rõ ràng, việc xếp hạng tạp chí là cần thiết và có những giá trị không thể phủ định²⁰.

Vấn đề đặt ra là những tạp chí nào là tốt nhất? Trong khoa học xã hội và luật, có nhiều phương pháp khác nhau để đánh giá chất lượng của bài báo và tạp chí bao gồm việc thuần túy dựa vào chỉ số trích dẫn, việc dựa vào đánh giá danh tiếng của các tác giả đăng bài^{5,21}, dựa vào tỷ lệ chấp thuận (từ chối) đăng bài^{9,20}, hay dựa vào khảo sát và đánh giá của đọc giả là giới học thuật²². Mặc dù, nhiều học giả đã nhìn nhận sự hạn chế đáng kể của việc sử dụng chỉ số trích dẫn như một thước đo trong việc đánh giá chất lượng của bài viết^{5,9,23} đây vẫn là cách thức chủ yếu để lượng hóa chất lượng của bài viết (tạp chí)⁵. Thực tế hiện nay, các hệ thống xếp loại tạp chí tiêu biểu nhất bao gồm ISI, SCOPUS, Washington & Lee (W&L) ranking (hệ thống xếp hạng các tạp chí luật của Hoa Kỳ được thực hiện bởi Đại học Washington&Lee), ERA Ranking (hệ thống xếp hạng các tạp chí luật của Úc) đều chủ yếu dựa vào tiêu chí này.

Trong bối cảnh hiện nay, tương tự như đại đa số các lĩnh vực khác, việc sử dụng danh mục ISI hay Scopus như một thang đo, một lưới lọc trong lĩnh vực luật học là cần thiết, phù hợp và công bằng. Mặc dù, như đã nói, cả bốn hệ thống, Scopus, ISI, ERA, W&L đều chủ yếu dựa vào chỉ số trích dẫn, thế nhưng xếp hạng của ISI và Scopus⁴ có thể là công bằng hơn vì không mang tính thiên vị một cách tự nhiên (tức là phân biệt đối xử một cách gián tiếp, không có chủ đích).

Tại Hoa Kỳ, các trường luật thường tự tổ chức xuất bản các tạp chí của riêng họ, chất lượng tạp chí và uy tín của trường luật thường gắn liền với nhau¹⁰. Phần lớn các tạp chí này được biên tập bởi sinh viên^{9-11,24} và có xu hướng thường đăng các bài báo được viết bởi các giảng viên của trường¹⁰. Một bình luận kinh điển của GS Fred Rodell của trường Luật Yale vào năm 1936 mà tới ngày nay vẫn thường được nhắc lại: “*Hầu hết, các bài viết pháp lý có hai sai lầm. Một là sai về cách viết. Cái sai còn lại là về nội dung ... hai lỗi sai này đã bao trùm mọi khía cạnh của một bài viết*”²⁴. Một “*tiêu chuẩn ngầm*” của các tạp chí luật của Hoa Kỳ thường là độ dài về dung lượng (có bài báo dài tới 250-300 trang, tức là dài hơn bất kỳ một luận văn thạc sĩ hoặc một luận án tiến sĩ nào ở nước ta). Ngoài yếu tố dung lượng quá dài, các tạp chí này cũng thường bị chỉ trích bởi thời gian xuất bản quá chậm và việc biên tập thiếu chuyên nghiệp. Các sinh viên duyệt bài bị cho là có thể không có đủ kiến thức để bình duyệt, bài viết thường phải sửa đi sửa lại về ngữ pháp và điều này đã dẫn đến sự lãng phí thời gian¹¹. Ngoài ra, các tạp chí Hoa Kỳ cũng bị chỉ trích vì chứa đựng quá nhiều chú thích mà phần lớn là trích dẫn các bài viết trên cùng tạp chí; điều này bị cho là nhằm mục đích gia tăng trích dẫn và từ đó thao túng thứ hạng của tạp chí^{9,11}. Tương tự, các tạp chí luật học ở Úc phần đa cũng được vận hành bởi sinh viên. Một phân tích về xếp hạng ERA của Úc ghi nhận, các tác giả có bài đăng trên các tạp chí của Úc, đại đa số là học giả của các trường Đại học Úc và một số ít là học giả tới từ New Zealand, Mỹ, hoặc Châu Âu nhưng đã từng có thời gian làm việc, nghiên cứu ở các trường đại học Úc¹², bảng biểu phân tích số liệu cũng ghi nhận, tạp chí của mỗi trường đại học có xu hướng có nhiều bài đăng của giảng viên (hoặc giáo sư) của trường mình hơn so với các trường khác⁷. Tuy nhiên, khác với những chỉ trích đối với các tạp chí của Hoa Kỳ, các tạp chí Úc có thời gian bình duyệt tương đối nhanh hơn.

Trong khi đó, ISI và SCOPUS có những hiển thị rõ ràng hơn về số liệu tự trích dẫn và trích dẫn từ tạp chí khác. Các tạp chí thuộc hai danh mục này nhưng

⁴Có sự khác biệt nhất định giữa chỉ số IF của ISI - cái mà thuần túy đo chỉ số trích dẫn và SJR của SCOPUS khi có tính toán danh tiếng của tạp chí

không thuộc hệ thống của Hoa Kỳ và Úc có hội đồng biên tập tương đối đa dạng hơn về quốc tịch và do đó làm giảm đi khả năng phân biệt đối xử một cách tự nhiên. Bên cạnh đó, một bộ phận các tạp chí được chỉ số hóa của hai danh mục này, đặc biệt là các tạp chí liên ngành, ví dụ, luật và khoa học chính trị, luật và xã hội, luật và tâm lý học tội phạm, luật và đạo đức,... tiếp cận gần hơn với quy trình bình duyệt và công bố của nhóm ngành khoa học tự nhiên khi mà việc đăng bài được tiến hành thông qua hệ thống và tác giả hoàn toàn có thể theo dõi tiến độ bình duyệt bài viết. Một số tạp chí cũng thực hiện quy trình duyệt bài khá tương tự nhóm ngành khoa học tự nhiên, theo đó, một bài đăng sẽ trải qua ba vòng duyệt bài; điều này giúp đẩy nhanh tốc độ bình duyệt ở các tạp chí này khi mà những bài đăng kém chất lượng hoặc không phù hợp với phạm vi nghiên cứu sẽ bị từ chối rất nhanh chóng. Tuy nhiên, thực tiễn là tương đối đa dạng, một số tạp chí thuần luật có thể sẽ có độ tương đối cao, ví dụ, tạp chí *Asian Journal of Comparative Law Review* (Q4) duyệt và đăng bài tương đối nhanh: thời gian trả lời lần đầu khoảng 1-2 tuần, thời gian đăng bài khoảng 3 tháng, trong khi đó, tạp chí *Asia Pacific Law Review* (Q3 và nằm trong danh mục tạp chí lõi (core journals) của ISI) có thời gian trả lời lần đầu khoảng 4 tháng. Các lập luận và minh họa trên đây không nhằm phủ nhận giá trị học thuật của các tạp chí học thuật thuộc hệ thống Úc hay Hoa Kỳ đặc biệt là khi mà các tạp chí hàng đầu của Hoa Kỳ hay Úc cũng đồng thời là những tạp chí được xếp hạng cao nhất của ISI và Scopus, ví dụ, *American Journal of International Law* (AJIL) và *Yale Law Journal* đều là tạp chí Q1 và nằm trong nhóm tạp chí lõi của ISI, AJIL có SJR= 0,64; IF= 1,696; H index = 70; *Yale Law Journal* có IF= 5; SJR= 2,02; H index = 73 trong khi đó, *Melbourne University Law Review* cũng là tạp chí lõi của ISI và thuộc Q2 của SCOPUS (IF= 1,2; SJR= 0,25; H index = 13). Đồng thời, việc một tác giả trẻ chưa từng trải nghiệm nền tảng giáo dục và phong cách viết học thuật của hai hệ thống này nhưng có bài đăng ở các tạp chí được xếp hạng cao của hai hệ thống này là điều hết sức đặc biệt và đáng khen ngợi. Điều mà phần trên đây của bài viết này muốn trình bày là một cái nhìn tổng quan về hệ thống phân loại tạp chí và việc xác định một cách tương đối mức độ đòi hỏi của một tạp chí. Tóm lại nhìn chung có thể phân loại các tạp chí khoa học xã hội và luật thành các nhóm như sau:

1. Các tạp chí học thuật hàng đầu thuộc ISI, SCOPUS, W&L, và ERA (được xếp hạng IF > 2, Q1, Q2, A*, A...)
2. Các tạp chí học thuật thuộc nhóm Q3, của SCOPUS hoặc hạng B > Các tạp chí học thuật thuộc

ISI có IF < 2, các tạp chí nhóm Q3 của SCOPUS, hoặc các tạp chí xếp hạng B;

3. Các tạp chí nghề nghiệp (blog) hàng đầu của các nhà xuất bản lớn, ví dụ, *Opino Juris*, *Kluwer Arbitration Blog*; Các tạp chí học thuật thuộc nhóm Q4 của SCOPUS; Các tạp chí học thuật hạng C và D; Các tạp chí thuộc nhóm *Emerging Sources Citation Index* của ISI
4. Các tạp chí thuộc SCOPUS nhưng không còn được xếp hạng; các tạp chí không được xếp hạng nhưng được xuất bản bởi các nhà xuất bản có uy tín, ví dụ, *Oxford*, *Cambridge*, *Springer*, *Wiley*, *Taylor & Francis*; các tạp chí của những trường Đại học thuộc top 100 theo đánh giá của những bảng xếp hạng có uy tín, *THE*, *QS*...;
5. Các tạp chí nghề nghiệp ít tên tuổi hơn nhưng được xuất bản bởi các tổ chức có tên tuổi (thường là bởi các hiệp hội trọng tài, luật sư...)

Hiện tại, việc phân chia hệ thống tạp chí quốc tế của HDGSNN ngành luật chịu sự ảnh hưởng của nhóm ngành khoa học tự nhiên. Cách phân loại này không có sự phân chia chi tiết do áp dụng thang chia không hợp lý: 1. SCI (Science Citation Index), SSCI (Social Science Citation Index), SCIE (Science Citation Index Expanded), A&HCI (Arts and Humanities Citation Index) có IF > 2; 2. SCI ... A&HCI có IF < 2; 3. Scopus và ISI (đáng lẽ nên là ESCI - Emerging sources Citation Index). Nói như vậy là bởi, như minh họa ở trên, trong các ví dụ được đưa ra chỉ có *Yale Law Journal* là có IF = 5, các tạp chí tên tuổi khác trong ngành khoa học xã hội và luật thường có IF không cao. Việc đánh giá tất cả các tạp chí SCOPUS, bất kể xếp hạng, tương đương với mức thấp nhất của danh mục ISI, hoặc các tạp chí thuộc danh mục Scopus có khác biệt với nhau về Q nhưng cùng thuộc tạp chí lõi của ISI, nếu IF < 2, đều xếp hạng là như nhau là không hợp lý. Ví dụ *Asia Pacific Law Review* thuộc SSCI nhưng thuộc nhóm Q3 trong khi *Melbourne University Law Review* cũng thuộc nhóm SSCI nhưng là Q2 và chỉ số IF trong danh mục ISI của *Melbourne University Law Review* rõ ràng là trội hơn. Danh mục phân chia của HDGSNN ngành Công nghệ Thông tin, Dược, Sinh học có thể là hợp lý hơn khi phân loại ISI có IF > 2 (hoặc 2,5 đối với ngành dược) cùng loại với $\frac{1}{2}$ danh sách đầu của Q1 (ngành sinh học) hoặc Q1 (ngành dược) hoặc thậm chí gồm cả Q2 (ngành CNTT) ISI có IF < 2 (hoặc 2,5 đối với ngành dược) cùng loại với Q2 hoặc Q3 hoặc có thể là Q4 (ngành CNTT) Q3 và Q4 có thể thuộc cùng một nhóm còn lại. Trong khi đó, việc phân loại tạp chí để khen thưởng của VNU HCMC cho GV và SV tại các Quyết Định 2155 năm 2018 và 1129 năm 2016 hiện tại là hợp lý hơn khi có

sự phân chia theo IF và Q. Tuy nhiên, các văn bản này chưa nhìn nhận giá trị của các tạp chí mang tính nghề nghiệp.

Lựa chọn tạp chí luật

Một lời khuyên mà những người viết bài này nhận được khi tìm kiếm tạp chí phù hợp để công bố nghiên cứu của mình đó là việc tìm kiếm một tạp chí để công bố như tìm kiếm một người bạn để trò chuyện vậy. Hai con người dù rất thú vị và sở hữu nhiều câu chuyện thú vị song lại không phải “gu” của nhau thì không thể trò chuyện được. Việc đăng bài cho tạp chí quốc tế cũng vậy. Các tạp chí trong nước rất ít khi đối đầu một cách gay gắt với tác giả về mặt nội dung và thường không mang tính chuyên biệt, ví dụ, các tạp chí luật học Việt Nam thường đăng cả các vấn đề dân sự, hình sự, hành chính. Trong khi đó, đối với các tạp chí nước ngoài, đặc biệt là ở Hoa Kỳ kết quả của việc kêu gọi chuyên ngành hóa tạp chí đã cho ra đời của nhiều những tạp chí chuyên ngành tên tuổi bên cạnh các tạp chí chung mang tính truyền thống. Bên cạnh đó, những tạp chí truyền thống của mỗi trường đại học đồng thời cũng có những chủ đề mang tính thế mạnh riêng.

Nhìn chung, ở thời điểm hiện tại, một bộ phận không nhỏ những tạp chí khoa học quốc tế có danh tiếng, thường có những quan tâm đặc biệt tới một số chủ đề hoặc vấn đề cụ thể. Mỗi quan tâm này có thể được thể hiện một cách minh thị trong phần mô tả trên trang chủ của tạp chí về lĩnh vực mà tạp chí đặc biệt quan tâm, hay một cách kín đáo và ngầm định hơn, thể hiện ở lịch sử các bài được đăng trên tạp chí. Một nghiên cứu, bản thảo bài báo, dù có lý thú đến đâu, nếu không phải là quan tâm của tạp chí (quốc tế) thì cũng rất khó để có thể được đăng, do vậy, khi lựa chọn đăng bài ở một tạp chí không phù hợp, các nhà nghiên cứu có thể sẽ chỉ nhận được kết quả thất vọng sau một thời gian rất dài chờ đợi.

Đối với các tạp chí thuộc ISI và SCOPUS, có ba lý do cho sự chuyên ngành hóa (dù không phải tất cả tạp chí quốc tế được chuyên ngành hóa đều xuất phát từ cùng một lý do): *Thứ nhất*, các tạp chí quốc tế danh giá là diễn đàn trao đổi ý kiến của các học giả quốc tế có tên tuổi đọc giả của nó chủ yếu cũng là những đối tượng này. Do đó, một tạp chí nếu có lĩnh vực quá rộng và phân tán có thể trở nên khó để có thể theo dõi được bởi các nhà nghiên cứu. *Thứ hai*, như một hệ quả phá sinh của lý do đầu tiên, để trở thành một tạp chí có tầm cỡ, ví dụ, trong danh mục tạp chí lõi của ISI hay tạp chí thuộc SCOPUS, ngoài các vấn đề về chất lượng và đạo đức nghiên cứu và bình duyệt, các tạp chí quốc tế phải đáp ứng được các yêu cầu về tầm ảnh hưởng và

chỉ số trích dẫn (IF hoặc SJR đối với tạp chí thuộc ISI và Scopus). Các chỉ số này được đánh giá hàng năm để đảm bảo chất lượng của tạp chí. Do đó, để duy trì thứ hạng, các tạp chí có tên tuổi thường chỉ tập trung vào một số lĩnh vực nhất định để đảm bảo sự theo dõi từ các học giả và kèm theo đó là việc sử dụng những bài viết trên tạp chí để trích dẫn từ các học giả này. *Thứ ba*, để đảm bảo chất lượng của bài viết, đối với các tạp chí nằm ngoài hệ thống của Hoa Kỳ và Úc, tùy theo tạp chí mà các bản thảo bài báo luôn phải được đọc và chịu sự bình duyệt của từ 3-4 người bao gồm, trợ lý biên tập (editorial assistant), những người bình duyệt (reviewer) và biên tập viên (editor hoặc chief editor). Bình duyệt viên của các tạp chí quốc tế không phải là cố định mà là các học giả tên tuổi hoặc học giả có nghiên đã được đăng trên tạp chí mà có khả năng sẽ có hứng thú với bài viết và có hiểu biết đủ sâu sắc để đánh giá bài viết. Việc tìm kiếm những bình duyệt viên thích hợp là một công đoạn tương đối nếu không muốn nói là rất tốn thời gian, đặc biệt là khi mà chủ đề của bản thảo không liên quan tới chủ đề nghiên cứu của các học giả đã từng kết nối với tạp chí.

Tựu trung, có thể thấy, quy trình đăng bài về cơ bản là việc đáp ứng nhu cầu của các “đọc giả” bao gồm bình duyệt viên, biên tập viên, và đọc giả của tạp chí. Do đó, để chuyển đổi một nghiên cứu thành một công bố, công việc của nhà nghiên cứu là tìm cách thu hẹp khoảng cách giữa những gì tác giả muốn viết và những gì đọc giả muốn nghe¹. Để làm được như vậy, các tác giả cần nghiên cứu sơ bộ về các tạp chí thậm chí là phải trở thành một đọc giả của các tạp chí và cần xác định trước các quy ước của các tạp chí mà mình đang nhắm đến và luôn cập nhật kiến thức về lĩnh vực mà mình nghiên cứu cũng như là về các tạp chí.

Trong bối cảnh hiện nay, danh mục tạp chí có thể lựa chọn đối với các tác giả trẻ là tương đối rộng. Điều này phản ánh xu hướng chung về liên ngành hóa mà luật học không phải là một kẻ đứng ngoài cuộc. Một mặt, luật học đang hòa nhập trở lại với triết học, và khoa học chính trị sau một khoảng thời gian tách rời và tồn tại đầy kiêu hãnh với các học thuyết chỉ của riêng mình. Mặt khác, luật học cũng đang hòa nhập hơn với các ngành khoa học xã hội khác như kinh tế, xã hội học, ngôn ngữ học.... Xu hướng luật và kinh tế là một trong những xu hướng liên ngành nổi bật nhất: Bài viết về thuyết chi phí xã hội của Coase là bài viết có chỉ số trích dẫn cao nhất trong hệ thống tạp chí Hoa Kỳ¹³.

Liên ngành hóa giúp ích rất nhiều cho các nhà nghiên cứu trẻ và sinh viên trong việc lựa chọn tạp chí song cũng dẫn tới một hệ quả là, khối lượng tạp chí phải nghiên cứu và bài viết (bài báo) phải đọc cũng trở nên lớn hơn rất nhiều. Do đó, các tác giả trẻ sẽ gặp

hiều khó khăn trong việc xác định khoảng trống trong nghiên cứu. Thậm chí, đôi khi, từ khóa cần tìm kiếm cho vấn đề cần nghiên cứu là những từ mà những người chưa có quá nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực đó khó có thể nghĩ đến. Bên cạnh đó, tác động của xu hướng liên ngành cũng dẫn tới đòi hỏi vận dụng nhiều và hiệu quả hơn các công cụ và lý thuyết của các lĩnh vực khác: mô hình kinh tế, lý thuyết tâm lý, thuật toán, mô hình ngôn ngữ, đánh giá thực chứng... những thứ mà có thể là xa lạ đối với các tạp chí thuần túy về luật nơi chủ yếu thể hiện những lý thuyết luật học mang tính suy luận.

Lựa chọn vấn đề nghiên cứu

Mặc dù có rất nhiều yêu cầu đối với một bài công bố quốc tế, nhưng điểm chính yếu và quan trọng nhất của các yêu cầu này có thể được kết tinh trong hai từ “thú vị!”. Một bài viết chỉ có thể vượt qua được các vòng bình duyệt và được đăng nếu nó thu hút được sự hứng thú của bình duyệt viên và biên tập viên.

Ngoại trừ các vấn đề liên quan tới đạo đức vốn được thể hiện chủ yếu thông qua hình thức, ví dụ, trích dẫn, tuyên bố cam đoan... cụm từ “thú vị!” bao phủ gần như toàn bộ những chiều cạnh đáng chú ý còn lại đối với một bài đăng tạp chí: Tính nguyên bản (tính mới) và tính tác động của nghiên cứu.

Về khía cạnh tính mới, rất rõ ràng, nếu một bài viết lặp lại toàn bộ nội dung của một bài viết khác thì không thể nào là thú vị trong mắt những học giả có kinh nghiệm được. Tuy vậy, cụm từ “thú vị” cũng không đòi hỏi một ngưỡng nguyên bản quá cao - nó không nhất thiết ngầm ý về tính mới hoàn toàn về lý thuyết mà chỉ đề cập tới một cái gì đó đủ mới để xuất hiện trên một tạp chí¹. Tương tự, một bài công bố tạp chí không nhất thiết đòi hỏi một sự tác động đáng kể và lớn lao ở tầm vóc toàn cầu, tính thú vị chỉ đòi hỏi nó thật sự có tác động trong lĩnh vực nghiên cứu và ngưỡng của tính tác động này cũng đồng thời phụ thuộc vào tầm nhìn của tạp chí.

Trong bài viết “That’s interesting” Davis đã đưa ra một mô tả về các công bố “thú vị”, theo đó tác giả cho rằng “Những lý thuyết thú vị là những lý thuyết phủ định những giả định mặc nhiên từ đọc giả...”²⁵. Lập luận của Davis, nhìn chung, có thể là chính xác, bởi lẽ, nếu tất cả mọi người đều có cùng một kết luận về một vấn đề vì tính đúng đắn của kết luận đó đã được chứng minh bởi một (số) tác giả thì dù một tác giả khác có vận dụng một phương thức chứng minh khác thì kết quả nghiên cứu nhìn chung cũng không quá thú vị. Trong một vài trường hợp hạn hữu, bài viết có thể chấp nhận được nếu phương pháp chứng minh này là mới (khi đó, nghiên cứu này, để được chấp nhận, có lẽ

thiên về việc chứng minh và kết luận về phương pháp nghiên cứu đó hơn là việc trình bày và chứng minh về kết luận phổ quát được chấp nhận). Tuy nhiên, rõ ràng việc theo đuổi những nghiên cứu nhằm phát hiện và chứng minh một phương pháp nghiên cứu là phức tạp, và tốn nhiều công sức.

Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng tuyên bố của Davis không nên được hiểu như là sự cổ vũ cho việc phá vỡ một cách bất chấp những quy ước đang tồn tại chỉ nhằm làm cho bài viết trở thú vị. Thay vào đó, tuyên bố này nên được hiểu như nhằm giúp xác định yếu tố “thú vị” thông qua việc đòi hỏi các nhà nghiên cứu phải có hiểu biết về đối tượng đọc giả mà họ muốn hướng tới và sự quen thuộc của nhóm đối tượng này với chủ đề của nhà nghiên cứu. Tức là, để có được một bài viết thú vị, nhà nghiên cứu cần trả lời một số câu hỏi, ví dụ “đọc giả có giả định gì về chủ đề?” (“những) khía cạnh nào của chủ đề vẫn đang được đặt ra và hiện chưa được đặt ra?” “nhà nghiên cứu có thách thức bất kỳ giả định nào hiện đang tồn tại không?”^{1,25}. Tất nhiên, không phải chỉ có một cách để trở nên “thú vị”. Nhiệm vụ của nhà nghiên cứu là tìm ra những gì tạo ra sự “thú vị” cho bài viết của mình đặc biệt là với mục tiêu là tạp chí mà nhà nghiên cứu này đang hướng đến.

Nhìn chung, việc công bố quốc tế của các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực luật chủ yếu nhằm vào hai vấn đề:

1. Góp tiếng nói vào một vấn đề mang tính quốc tế và
2. Nghiên cứu một vấn đề mang tính nội địa song là sự quan tâm và có thể đóng góp vào các thảo luận quốc tế.

Các nhà nghiên cứu có thể dễ dàng tìm thấy nhiều tạp chí hướng vào nhóm một (các tạp chí về luật quốc tế). Tuy vậy, để có thể công bố thành công một bài viết nhằm vào tạp chí thuộc nhóm một, trong một số trường hợp, đòi hỏi nhà nghiên cứu phải cập nhật kiến thức thường xuyên để theo sát sự phát triển của luật quốc tế và giúp cho lập luận của nhà nghiên cứu không trở nên lạc hậu với thời cuộc. Đòi hỏi cụ thể về sự cập nhật trong từng lĩnh vực nhỏ của các nghiên cứu nhóm này phụ thuộc nhiều vào chính lĩnh vực nhỏ đó. Ví dụ, mỗi quan tâm và số lượng nghiên cứu về những chủ đề như CISG hay ISCID có thể là lớn hơn, và do đó, nhà nghiên cứu cần thường xuyên cập nhật hơn so với chủ đề về tranh chấp lãnh thổ.

Với nhóm thứ hai, yêu cầu trước tiên vẫn là các nhà nghiên cứu cần tìm kiếm và khoanh vùng cụ thể các tạp chí có liên quan tới chủ đề mà họ định công bố và xây dựng vấn đề được nghiên cứu theo cách thức giúp cho bài viết của họ trở nên thú vị. Tuy nhiên, so với nhóm thứ nhất, bộ phận các nghiên cứu về nhóm vấn đề này là tương đối ít đồ sộ hơn. Do đó, các nhà nghiên cứu trẻ có thể tham gia vào nghiên cứu các vấn

đề thuộc nhóm này mà ít lo lắng hơn về tính nguyên bản của nghiên cứu của mình. Đồng thời, họ cũng không nhất thiết phải cập nhật liên tục các nghiên cứu về chủ đề mà mình quan tâm (như với nhóm 1). Hiện tại, có không quá nhiều (nhưng cũng không quá ít) nghiên cứu quốc tế về pháp luật Việt Nam (theo nghĩa rộng nhất). Theo TS Bùi Ngọc Sơn, đại học Trung Văn Hồng Kông, các tác giả có thể khai thác, nghiên cứu nhiều vấn đề khác nhau của nền pháp luật nước ta: Luật bản địa (luật tục); luật phong kiến (ví dụ, bộ luật Hồng Đức, Gia Long); luật thuộc địa; luật xã hội chủ nghĩa kiểu Liên Xô, luật trong bối cảnh toàn cầu hóa,... Các nghiên cứu có thể được tiến hành đối với đối tượng nghiên cứu là khái niệm “luật” như những gì được thể hiện trong các văn bản luật và các sách vở tiếp cận luật theo hướng này (formalism); như những gì con người cư xử với nhau (law in action); hay như những gì mà luật nên hướng tới hoặc như những gì mà con người nghĩ về luật (law in mind). Dù chủ đề được lựa chọn để nghiên cứu và công bố là gì thì các tác giả cũng cần định hướng và trình bày rõ ràng về vấn đề nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, các câu hỏi nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu.

NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ GIẢI PHÁP NHẪM HƯỚNG TỚI GIA TĂNG SỐ LƯỢNG CÔNG BỐ QUỐC TẾ TRONG LĨNH VỰC LUẬT.

Số lượng công bố quốc tế về khoa học xã hội và luật của Việt Nam dù không quá thấp và có xu hướng ngày càng tăng song cũng là không quá cao nếu so sánh với các quốc gia khác như Singapore, Malaysia, hay Thái Lan. Những khó khăn về công bố quốc tế là không chỉ là của riêng bất kỳ một cơ sở đào tạo về luật nào. Điều này là đặc biệt đúng trong bối cảnh yếu tố liên ngành đang ngày càng có tác động sâu sắc hơn tới các ngành khoa học xã hội và luật. VNU HCMC và UEL đã có nhiều các biện pháp giúp gia tăng số lượng và chất lượng của các công bố quốc tế đối với giảng viên và sinh viên. Tuy vậy, có không ít vấn đề vẫn chưa được đề cập rõ ràng, một số khác đòi hỏi những thảo luận sâu hơn và/hoặc các biện pháp cụ thể hơn.

Những khó khăn

Thứ nhất, hiểu biết của các tác giả trẻ về hệ thống công bố quốc tế vẫn còn hạn chế. Điều này có khả năng dẫn tới rủi ro là các tác giả này sẽ bị dẫn dắt đăng bài ở các tạp chí dỏm. Điều này cũng sẽ phần nào làm tổn hại uy tín của cơ sở đào tạo. Rủi ro này sẽ ngày càng lớn hơn khi mà các tạp chí dỏm hoạt động ngày càng tinh vi để che đi các dấu hiệu nhận diện của mình. Ví dụ, gần đây, có một tiến sĩ của trường Đại học Công

An Nhân dân có bài đăng trên tạp chí “international journal of law” ISSN: 2455-2194. Tạp chí này được xuất bản bởi “Gupta Publications” là một nhà xuất bản nằm trong danh sách tạp chí và nhà xuất bản dỏm của Beall^b. Tạp chí này đã che đi tên nhà xuất bản nên nếu không kỹ lưỡng, các nhà nghiên cứu trẻ có nguyện vọng sớm được đăng bài có thể dễ dàng bị gạt nộp bài hoặc làm bình duyệt viên cho những tạp chí này.

Thứ hai, có khác biệt rất cơ bản giữa mục tiêu hướng tới và cấu trúc của một bài nghiên cứu trên tạp chí học thuật Việt Nam và tạp chí quốc tế. Các bài viết trên phần đa các tạp chí luật học Việt Nam là theo hướng mô tả và bình luận để từ đó đưa ra gợi ý hoàn thiện pháp luật và do đó, ít quan tâm tới việc thể hiện câu hỏi nghiên cứu, đánh giá tính mới của câu hỏi nghiên cứu và vấn đề nghiên cứu, hay phương pháp nghiên cứu. Các tạp chí hành nghề và một số tạp chí học thuật quốc tế có thể vẫn đón nhận cách tiếp cận theo hướng này, ví dụ, bình luận một (số) vấn đề pháp lý trong phán quyết của các tòa trọng tài. Tuy nhiên, cấu trúc và mô hình như trên không phải là đặc điểm phổ quát của bài viết học thuật quốc tế về luật, nhất là khi bài viết nhằm đóng góp hiểu biết của pháp luật Việt Nam cho cộng đồng quốc tế.

Thứ ba, nhìn chung, ở Việt Nam hiện nay, tài liệu về nghiên cứu quốc tế trong lĩnh vực luật và vai trò của kỹ năng tư duy học thuật/tư duy pháp lý và viết học thuật/viết pháp lý tương đối hạn chế. Luật và khoa học xã hội nói chung là nghệ thuật của sự lập luận bao gồm việc vận dụng ngôn từ và logic lập luận, do đó, “nghiên cứu khoa học về luật”, trước hết, phải được xây dựng trên một tư duy logic rõ ràng và chặt chẽ. Tuy vậy, kỹ năng tư duy học thuật/tư duy pháp lý là những khái niệm còn hết sức xa lạ và mơ hồ ở nước ta, trong khi những khái niệm này là có thể nghe được từ giảng viên và sinh viên của một số cơ sở đào tạo có tên tuổi khác trong khu vực Đông Nam Á, ví dụ, Đại học Thammasat, Thái Lan. Trong khi đó, khác với các lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ năng viết có ý nghĩa hết sức quan trọng trong lĩnh vực luật và khoa học xã hội bởi, bên cạnh vai trò như là sự ghi nhận kết quả nghiên cứu, kỹ năng viết còn ảnh hưởng tới sự tiếp nhận của độc giả. Nếu một nghiên cứu được viết bằng ngôn ngữ quá đơn điệu sẽ dễ gây nhàm chán cho người đọc, ngược lại nếu nó được viết một cách không rõ ràng thì sẽ dẫn đến việc người đọc không thể nắm bắt được thông tin được truyền đạt tới. Trong những trường hợp như trên, việc công bố - sự giao tiếp về trí tuệ giữa các học giả là không đạt được. Về mặt cấu trúc viết, hiện tại, một số giảng viên UEL đã hướng dẫn sinh viên viết theo mô hình Irac (được những giảng

^b<https://beallist.net/?fbclid=IwAR2rGFM3byBCEZF1-CYwQjdqkhlNCqziT4hVq6VjR7nvXcEDX-dVpKcw3bY>

viên này gọi là kỹ thuật viết pháp lý (legal writing) dù rằng thực tế, Irac mang tính mô hình chung về phân tích pháp lý và trình tự diễn tiến lập luận đối với một vấn đề). Tuy vậy, các hướng dẫn này thường hiếm khi đi kèm với các nghiên cứu có hệ thống từ giảng viên mà chủ yếu dựa vào chủ nghĩa kinh nghiệm. Các kinh nghiệm này có thể hình thành trong quá trình hành nghề (thực tập, làm việc ở các văn phòng, công ty luật) hoặc đăng bài cho các tạp chí trong nước. Do đó, nó không nhất thiết phản ánh và tiệm cận với lối viết của các tạp chí quốc tế. Việc diễn đạt các đoạn, câu, từ, cũng là một vấn đề lớn và rất phức tạp đòi hỏi cần được nghiên cứu kỹ lưỡng để có một bài viết tốt.^{c 26-28} Tuy nhiên, trong khung cảnh công bố quốc tế, các tác giả trẻ đôi khi không cần thiết phải quá lo lắng về vấn đề này.^{de} Điều này là bởi, *thứ nhất*, mặc

^cThế nào là viết tốt? Trong không gian của ngôn ngữ anh (Anglophone) các lời khuyên về kỹ năng viết đã được biên tập từ rất lâu về trước. Chúng thường được viết dựa trên chủ nghĩa kinh nghiệm và đưa ra những hướng dẫn mang tính mệnh lệnh, ví dụ, chỉ nên dùng câu đơn, không được dùng câu bị động, phải dùng các động từ thay vì dùng các danh từ mang sắc thái hành động, phải viết đơn giản tới độ một đứa trẻ lớp 3 cũng hiểu vì chỉ có như vậy bài viết mới được tiếp nhận rộng rãi bởi công chúng... (có thể xem, một vài những lời khuyên như vậy trong quyển “Những thành tố của phong cách [viết]” (The Elements of Style) của GS William Strunk Jr.²⁸). Tuy nhiên, những lời khuyên như vậy có lẽ là để kéo các tác giả khỏi thực tế xã hội vốn được vận hành ngược lại. Tiêu chí để đánh giá khả năng sử dụng ngôn ngữ viết trong các cuộc thi chuẩn hóa (ví dụ, IELTS hay TOEFL) khi đưa ra tiêu chí để đánh giá một người viết tốt lại yêu cầu thí sinh sử dụng cách viết câu ghép, câu phức và các câu sử dụng danh từ chỉ hành động. Trong báo chí, các văn bản mang tính nghề nghiệp, và tạp chí khoa học quốc tế, nhìn chung hiếm khi các tác giả là những người sử dụng tiếng anh như tiếng mẹ đẻ (mother tongue) trình bày phần lớn nội dung bài viết của mình bằng những câu đơn vì nếu như vậy bài viết sẽ trở nên rất nhàm chán. Các tác giả cũng nhận được những lời khuyên mâu thuẫn với nhóm những lời khuyên trước đó như không được dùng chủ ngữ hay tân ngữ ở ngôi thứ nhất như (I, We) vì sẽ làm bài viết không còn mang tính khách quan... Lập luận như vậy để thấy rằng, các hướng dẫn viết mang tính kinh nghiệm đôi khi có thể mâu thuẫn nhau. Do vậy, trong những năm gần đây, chủ nghĩa kinh nghiệm và những hướng dẫn mang tính mệnh lệnh trong kỹ thuật viết đang bị thách thức và đòi hỏi cần phải được thay đổi bởi một cách tiếp cận khoa học, lý tính và dựa vào thực chứng hơn.²⁹ Ví dụ, GS Steve Pinker, nhà tâm lý học và ngôn ngữ học của Đại học Havard, một trong những học giả nổi tiếng bậc nhất thế giới (top 100 người có ảnh hưởng nhất thế giới theo tạp chí Time vào năm 2004, top 100 nhà tư tưởng của thế giới vào các năm 2005, 2008, 2010, 2011 theo Foreign Policy và 2013 theo Prospect Magazine) đã trình bày nghiên cứu của mình về kỹ thuật viết dưới góc độ tâm lý học hành vi của con người trong nhiều tác phẩm, ví dụ, “The Sense of Style: The Thinking Person’s Guide to Writing in the 21st Century”³⁰. Hiểu biết và những nghiên cứu về những vấn đề này, hiện tại còn hạn chế ở Việt Nam. Ở Việt Nam, theo chúng tôi, có sự nhầm lẫn giữa viết tốt (viết theo phong cách khoa học) và viết nhàm chán (cố gắng chỉ sử dụng câu đơn hay cố gắng né tránh viết sử dụng chủ ngữ hay tân ngữ ở ngôi thứ nhất).

^dCác tạp chí luật học của Hoa Kỳ hoặc các tạp chí danh giá xếp hạng đầu (Q1 hoặc IF > 2) có thể là những ngoại lệ khi mà chúng thường đòi hỏi các bản thảo phải được viết với kỹ thuật tốt nhất với ít sai sót về ngữ pháp nhất có thể nhưng đồng thời cũng phải diễn đạt mạch lạc một cách trôi chảy.

^eNói như vậy không có nghĩa là vấn đề này không quan trọng. Một bài viết nghiên cứu về luật nếu dùng sai ngữ pháp quá nhiều và trình bày các quan điểm một cách không rõ ràng thì chắc chắn không

đủ các bình duyệt viên vẫn thường góp ý về việc sử dụng từ vựng và ngữ pháp: theo Shattell và cộng sự 79% đề xuất của bình duyệt viên bị ảnh hưởng bởi ngữ pháp và phong cách viết²⁹, miễn là các tác giả không mắc quá nhiều lỗi sai về ngữ pháp và (do đó) trình bày bài viết của mình một cách đủ rõ ràng, việc sử dụng ngữ pháp và từ vựng sẽ không ảnh hưởng quá nhiều tới kết quả bình duyệt, bởi theo hướng dẫn bình duyệt của Wiley và nhiều nhà xuất bản chuyên nghiệp khác, các bình duyệt viên được yêu cầu chỉ đưa ra kết quả bình duyệt dựa trên giá trị nội dung của nghiên cứu (merit)³⁰. *Thứ hai*, các bài viết sẽ luôn phải trải qua rất nhiều vòng bình duyệt. Một số lượng không nhỏ bài viết đăng tạp chí thường sẽ phải trải qua nhiều lần lượt xác và không giữ được đa phần các câu từ ban đầu của mình sau nhiều lần phản biện như vậy. *Thứ ba*, khi bài viết được đánh giá là có nội dung đảm bảo chất lượng của tạp chí, phần hình thức của bài viết sẽ được đảm bảo bởi đội ngũ biên tập qua hai vòng. Ở vòng thứ nhất, biên tập viên hoặc tổng biên tập của tạp chí thường là các học giả có tên tuổi trong lĩnh vực sẽ chỉnh sửa về mặt diễn đạt của bài viết. Bài viết sau đó sẽ được chỉnh sửa vòng hai về mặt ngữ pháp. Ở vòng này, bộ phận rà soát của nhà xuất bản sẽ rà soát ngữ pháp và phong cách viết của bài viết theo các quy chuẩn viết mà nhà xuất bản sử dụng, ví dụ, Oxford Style Manual hay Chicago Manual of Style.

Thứ tư, như đã trình bày một cách sơ lược ở phần trên, giới học thuật đang ngày càng trở nên “phẳng” hơn với sự tương tác liên ngành ngày càng gia tăng và luật học không nằm ngoài xu thế này. Điều này đòi hỏi sự phát triển của các quan điểm mang tính liên ngành. Ở Châu Âu và Hoa Kỳ, “tín đồ” của các phương pháp nghiên cứu liên ngành xã hội, thực nghiệm, phân tích điều tra đang ngày càng gia tăng và chiếm ưu thế, thể hiện thông qua xu hướng “Luật và...”^{13,31}. Tuy nhiên, ngay cả trên bình diện thế giới, vẫn có thể nhận thấy sức ì nhất định của xu thế này. Các học giả quốc tế nhìn nhận một thực tế rằng, trong các trường luật có xếp hạng thấp hơn của Hoa Kỳ và Châu Âu (low-tier, third hoặc fourth tier ranking), việc nghiên cứu và giáo dục khoa học pháp lý thiên về những phương pháp truyền thống nặng tính “giáo lý” vẫn chiếm ưu thế³². Mô tả này có lẽ cũng phản ánh bối cảnh hiện tại của Việt Nam. Hiện tại, có rất ít trường đại học luật Việt Nam tiếp cận theo hướng liên ngành. Đội ngũ giảng viên của một số cơ sở đào tạo không có nhiều hiểu biết đa ngành và thậm chí đôi khi là có cái nhìn tương đối bài xích về việc áp dụng các phương pháp liên ngành, ví dụ, các mô hình kinh tế trong nghiên cứu pháp luật. UEL có lẽ là một trong những trường

thể được chấp nhận đăng.

đại học tiên phong có cách tiếp cận liên ngành khi trong học phần đào tạo của chương trình cử nhân luật hệ chính quy (4 năm) có lồng ghép vào các kiến thức của khối ngành kinh tế (kinh tế vi và vĩ mô), quản trị, tài chính và kế toán. Giảng viên của UEL cũng là những người đầy năng lượng và sẵn sàng đón nhận cái mới. Tuy nhiên, mặc dù đã có những bước đột phá trong đào tạo, việc vận dụng kiến thức đa ngành của sinh viên luật có thể vẫn gặp những khó khăn nhất định. Mặc dù nhìn chung sinh viên luật của UEL có hiểu biết tốt về lý thuyết kinh tế song lại không nắm vững việc sử dụng các công cụ kinh tế bao gồm việc xây dựng mô hình, các phần mềm,...

Thứ năm, Hiện tại, VNU HCMC và UEL đang nỗ lực hơn trong việc thúc đẩy giảng viên và sinh viên tiếp cận quy chuẩn quốc tế. Tạp chí STDJELM của VNU HCMC là một trong những tạp chí hiếm hoi tại Việt Nam có bài nghiên cứu về luật được Index một cách chuyên nghiệp và có thể truy suất thông tin từ Google Scholar cũng như là tạp chí duy nhất về luật có chỉ số DOI. Theo chính sách của VNU HCMC thì bài viết trên tạp chí STDJ được ưu tiên hơn so với các tạp chí trong nước khác (là tạp chí trong nước duy nhất được xét thành tích như tạp chí quốc tế, dù điểm xét thường là thấp hơn). Hai điều trên giúp các nhà nghiên cứu của trường và trong nước quan tâm hơn tới STDJELM và bước đầu làm quen với tiêu chuẩn xuất bản quốc tế. Dù những điều trên là những tín hiệu tích cực, song một số vấn đề cũng cần được quan tâm. *Một* là, STDJELM đòi hỏi các bài viết được trình bày theo mô hình IMRAD (viết tắt lần lượt của: Introduction, Methods, Results, Discussion); điều này giúp các tác giả hình dung rõ hơn về các vấn đề như phương pháp nghiên cứu hay câu hỏi nghiên cứu, tuy nhiên, nó có thể dễ dẫn đến những đòi hỏi về một cấu trúc cứng nhắc vốn không phải là đặc trưng của lĩnh vực luật. *Hai* là, dung lượng của các bài viết trên STDJELM được quy định nên là “nên là khoảng xấp xỉ 3000 từ”. Đây là một con số không quá lớn nếu đặt vào bối cảnh là các nghiên cứu về luật được công bố trên các tạp chí quốc tế và do đó, phạm vi này cần thiết được mở rộng hơn. *Ba* là, nhìn chung, độ lan tỏa tới sinh viên và các nhà nghiên cứu luật ngoài trường của STDJELM vẫn tương đối hạn chế.

Giải pháp

Thứ nhất, để khắc phục tình trạng các tác giả trẻ có thể bị lừa bởi các tạp chí kém chất lượng, cần thiết phải trang bị cho họ các kiến thức cơ bản về công bố quốc tế. Có rất nhiều chỉ dấu để xác định những tạp chí dỏm:

Một số dấu hiệu để xác định một tạp chí hoặc NXB dỏm bao gồm:

1. *Không có chỉ số DOI*: Trong bối cảnh nở rộ của xuất bản trực tuyến và mã nguồn mở như hiện nay, DOI là một chỉ dấu để phân biệt các tạp chí không nghiêm túc. Không phải tất cả tạp chí có giá trị đều chắc chắn sẽ có DOI, đặc biệt là các tạp chí luật trong hệ thống của Hoa Kỳ và ngược lại, không phải tất cả tạp chí có DOI đều là tạp chí có chất lượng, tuy nhiên, việc một tạp chí trong bối cảnh ngày nay (khác với những tạp chí xuất bản trước năm 2000) mà không có số DOI là một dấu hiệu đáng ngờ. Bởi lẽ, số DOI cho phép những truy vấn và tương tác liên tục trên hệ thống bên cạnh chức năng định vị như URL hay nhận dạng tập hợp như ISSN và do đó được sử dụng trong việc xác định các tạp chí học thuật bởi các nhà xuất bản có nguồn lực.
2. *Thời gian chấp nhận đăng bài ngắn*: Thời gian trung bình tính từ lúc gửi bài đến lúc được chấp nhận đăng bài thường rất ngắn. Trong nhiều trường hợp, bài được chấp nhận đăng chỉ trong vòng một tháng¹⁴.
3. *Chất lượng học thuật và chất lượng biên tập thấp*: Thời gian bình duyệt quá ngắn là bởi, đối với các tạp chí dỏm, quá trình bình duyệt có thể bị bỏ qua hoặc chỉ được thực hiện một cách chiếu lệ một số NXB dỏm thậm chí không muốn bình duyệt viên đưa ra quá nhiều góp ý và không truyền tải bình duyệt tới tác giả vì điều này sẽ dẫn tới việc mất đi nguồn thu của tạp chí. Do đó, chất lượng học thuật của các bài viết trên những tạp chí này thường thấp, các bài viết có nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp, thậm chí là nhiều câu không được viết hoàn chỉnh.
4. *Sử dụng thông tin giả*: Các tạp chí dỏm đồng thời cũng có xu hướng sử dụng tên tuổi của các học giả lớn, còn sống hoặc thậm chí đã chết một cách giả mạo để quảng bá tạp chí. Do đó, các nhà nghiên cứu trẻ cũng cần kiểm tra thông tin về thành viên hội đồng biên tập của tạp chí.
5. *Thu phí xuất bản*: Khác với việc thu phí để xuất bản mở (Gold open access) của các tạp chí truyền thống mà theo đó tác giả chấp nhận đóng tiền sau khi bài báo của mình đã được chấp nhận đăng để đọc giả có thể tiếp cận bài báo trên mà không phải trả phí đặt mua tạp chí (subscription fees), các nhà xuất bản dỏm thường sẽ thu một khoản phí gọi là “Phí xử lý bản thảo” (Article Processing Charge - APC) ngay trong những công đoạn đầu tiên như nhận bài và một khi tiền đã được nộp đầy đủ, bài báo chắc chắn sẽ được chấp nhận đăng. APC của các tạp chí dỏm là tương đối cao từ 20 triệu đến 60 triệu VNĐ¹⁴.

APC đã nêu ở trên cũng khác với phí nộp bài mà một số tạp chí trong lĩnh vực KHXH vẫn thu¹⁴. Phí nộp bài (thường tầm khoảng khoảng 2 triệu VNĐ) không ảnh hưởng tới quyết định chấp nhận đăng mà nhằm giảm bớt những bài viết có chất lượng thấp, từ đó tiết kiệm nguồn lực cho việc thẩm định bài viết. Tuy nhiên, các tác giả trẻ cũng cần cân nhắc đối với việc đóng phí nộp bài vì thông thường, do còn thiếu kinh nghiệm viết và công bố, các bài viết của các tác giả trẻ có khả năng không nhỏ sẽ bị từ chối, việc đóng khoản phí như vậy chứa đựng rủi ro cao; đồng thời, trong bối cảnh ngày nay, có một số lượng nhất định tạp chí nghiên cứu luật, xã hội học, chính trị học được tài trợ bởi chính phủ và các viện đại học nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế nhằm hỗ trợ các tác giả trẻ đăng bài và mở rộng trao đổi quốc tế. Các bài viết trên những tạp chí này được xuất bản mở và không phải chịu khoản phí nào và do đó là an toàn hơn cho các tác giả trẻ.

Thứ hai, ngoài kiến thức cơ bản, UEL cần thiết xây dựng môn học 'Kỹ năng nghiên cứu khoa học' (2 tín chỉ) theo hướng chuyên biệt hóa và chuyên sâu hơn, thậm chí là cần tăng cường số chỉ (và số tiết của môn học này). Hiện tại, đối với các lớp đại trà, môn học này được dạy theo giáo trình chung và cung cấp những kiến thức cơ bản và mang tính lý thuyết về nghiên cứu khoa học. Do đó, môn học này cần được dạy riêng biệt cho sinh viên luật và sinh viên kinh tế - quản trị. Nội dung của môn học này cần hướng tới sự nghiên cứu, thảo luận, và thậm chí là tranh luận về kỹ năng viết và tư duy học thuật/pháp lý của giảng viên và sinh viên. Đồng thời vẫn đảm bảo nội dung là các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong luật học như chương trình hiện nay dành cho lớp tài năng. Nếu thời gian giảng dạy đảm bảo, giảng viên có thể hướng dẫn cụ thể các quy trình và yêu cầu của việc công bố quốc tế cho sinh viên, ví dụ, cách thức sử dụng các phần mềm quản lý nghiên cứu, cách thức viết thư giới thiệu về bài viết nghiên cứu, định hướng tìm tạp chí gửi bài, các quy chuẩn trích dẫn và viết bài theo quy chuẩn quốc tế (ví dụ, APA, MLA, Havard, Vancouver,...)

Thứ ba, cần thiết xây dựng hệ thống môn học hài hòa và mang tính bổ trợ, đặc biệt là liên quan tới các kỹ năng nghiên cứu. Có thể thấy, môn học 'Kỹ năng nghiên cứu Luật học' là không đủ để trang bị các kiến thức và kỹ năng nghiên cứu liên ngành cho sinh viên. Do đó, bên cạnh việc tiếp tục nâng cao chất lượng giảng dạy các môn học lý thuyết về kinh tế và quản trị cho sinh viên luật như hiện tại, UEL cũng cần thiết xây dựng các môn học mang tính kỹ năng như thu

thập dữ liệu, phân tích số liệu cho sinh viên luật. Các kiến thức lý thuyết và phương pháp của các ngành có liên quan như kinh tế học, triết học, xã hội học cho phép sinh viên UEL tự tin thực hiện các nghiên cứu mang tính liên ngành, đặc biệt là nghiên cứu phân tích thực chứng, điều sẽ tạo nên khác biệt với một bộ phận không nhỏ các nghiên cứu trong nước trong giai đoạn hiện tại hoặc ít nhất, sẽ góp phần tạo cho các nghiên cứu về luật những cơ sở luận chứng chắc chắn để từ đó xây dựng hệ thống luận điểm và luận cứ.

Thứ tư, nhìn chung, bất kể những nỗ lực trong việc thảo luận và hướng dẫn, thực tế, việc viết công bố quốc tế là một quá trình thử và sai, do đó, chất lượng viết chỉ được nâng lên nếu các tác giả trẻ tích cực, chủ động trong việc viết bài và nhận phản hồi từ biên tập viên cũng như có kinh nghiệm trong việc phản biện và tự phản biện chính mình. Do đó, cần thực hiện đồng bộ ba giải pháp sau: (i) Tiếp tục khuyến khích sinh viên UEL công bố quốc tế thông qua các chính sách khen thưởng (chính sách thưởng tiến và điểm cộng) cũng như tuyên truyền tới sinh viên những lợi ích thu được từ việc công bố quốc tế; (ii) Điều chỉnh quy định của STDJELM theo hướng phù hợp hơn với lĩnh vực luật: cần thoáng hơn về yêu cầu cấu trúc và dung lượng đối với một bài viết luật cũng như có chính sách khuyến khích bài viết về luật bằng tiếng anh; (iii) Nâng cao chất lượng, thậm chí là chuyên nghiệp hóa các tạp chí của sinh viên. Tại sao sinh viên UEL lại không thể vận hành một tạp chí theo một cách thức chuyên nghiệp như theo hệ thống kiểu Mỹ? Để làm được việc này cần chuẩn hóa định dạng của hai chuyên san này và nâng cao hơn nữa tiêu chuẩn về bình duyệt theo hướng các tiêu chuẩn quốc tế (như đã trình bày ở trên) và chất lượng hướng tới tiệm cận chất lượng các bài viết học thuật quốc tế.

KẾT LUẬN

Trong bài viết này, các tác giả đã trình bày nhu cầu nghiên cứu và hướng dẫn về công bố quốc tế. Ở phần mở đầu, chúng tôi cho rằng, các tác giả trẻ UEL hoàn toàn có thể được bồi dưỡng để có đủ năng lực cho việc tiến hành một công bố quốc tế thông qua việc nắm bắt những kiến thức cơ bản về công bố quốc tế bởi các tác giả trẻ UEL có đủ khả năng ngoại ngữ, trải nghiệm các sự kiện quốc tế, nắm bắt được góc nhìn đa quốc gia, và có khả năng nghiên cứu đáng ghi nhận. Trong phần nội dung, chúng tôi đã trình bày về việc phân loại tạp chí quốc tế theo yêu cầu về nội dung và cách thức cấu trúc: (i), tạp chí học thuật, tạp chí nghề nghiệp, tạp chí phổ thông; cũng như theo đánh giá chất lượng tạp chí thể hiện thông qua hệ thống phân loại và các nhóm thứ hạng (ISI, Scopus, W&L, ERA). Ở mục thứ hai của phần nội dung, chúng tôi đã trình bày

một cách cơ bản về các kinh nghiệm lựa chọn tạp chí, bao gồm việc tìm hiểu về mối quan tâm và yêu cầu của tạp chí cũng như gợi ý về cách lựa chọn những chủ đề nghiên cứu thú vị và mới mẻ. Nhìn chung, chủ đề pháp luật Việt Nam hoàn toàn có thể đáp ứng được yêu cầu về tính mới trong các công bố quốc tế nếu được khai thác một cách phù hợp. Ở phần cuối cùng, chúng tôi đã chỉ ra những khó khăn đối với việc công bố quốc tế của các tác giả trẻ của UEL bao gồm hiểu biết có phần hạn chế về hệ thống công bố quốc tế; về quy trình công bố, yêu cầu nội dung, cũng như hạn chế về mặt kiến thức, kỹ năng: kỹ năng viết và tư duy khoa học/pháp lý, kỹ năng tiến hành các phân tích liên ngành. Từ đó, chúng tôi đã đề ra giải pháp tại mục 3.2, bao gồm (i) Trang bị các hiểu biết cơ bản về công bố quốc tế đặc biệt là trong việc xác định tạp chí kém chất lượng; (ii) Cấu trúc lại môn học ‘Kỹ năng nghiên cứu khoa học/luật học’ và hệ thống môn học của UEL để đáp ứng về cơ bản khả năng nghiên cứu, công bố, và công bố quốc tế cho sinh viên, đặc biệt là các kiến thức lý thuyết và kỹ năng nghiên cứu liên ngành; (iii) Đẩy mạnh chất lượng của các nghiên cứu và công bố được thực hiện bởi UEL và VNU HCMC theo hướng phù hợp với quy chuẩn công bố quốc tế, khuyến khích sinh viên nghiên cứu, đặc biệt là nghiên cứu bằng tiếng anh, và tiến hành các công bố quốc tế. Bài viết của chúng tôi nên được nhìn những như những bước đi ban đầu về công bố quốc tế trong lĩnh vực luật ở Việt Nam và trong bối cảnh UEL. Những bước đi xa và vững chắc hơn là cần thiết trong việc cải thiện số lượng và chất lượng các công bố quốc tế của các học giả trẻ của Việt Nam và UEL, ví dụ, các nghiên cứu định tính về kỹ năng của sinh viên luật UEL về việc đáp ứng yêu cầu công bố quốc tế hay các nghiên cứu đi sâu hơn về quy trình công bố quốc tế tại một quốc gia nhất định hay một nhóm các trường đại học danh tiếng nhất định. Chúng tôi sẽ tiếp tục thực hiện các nghiên cứu về chủ đề này và mong chờ những góp ý, hỏi âm, và các nghiên cứu bổ trợ từ các tác giả khác.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

AJIL: American Journal of International Law
BABSEACLE: Bridges Across Borders Southeast Asia Community Legal Education
CLB LRAC: Câu lạc bộ Nghiên cứu và Tư vấn Pháp luật
DOI: Digital Object Identifier
Đội CLE: Đội hình Tư vấn và Giảng dạy Pháp luật Cộng đồng trường Đại học Kinh tế - Luật
HDGSNN: Hội đồng Giáo sư nhà nước
ICC: International Chamber of Commerce
ISSN: International Standard Serial Number

NNPL: Nhà nước Pháp luật
P2A: Path to Asean
REI: Resource Exchange International
STDJ: Science & Technology Development Journal
STDJELM: Science & Technology Development Journal - Economics - Law and Management
TAND: Tòa án Nhân dân
UEL: Trường Đại học Kinh tế - Luật
VNU HCMC: Đại học Quốc gia TP HCM

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Nhóm tác giả xin cam đoan rằng không có bất kì xung đột lợi ích nào trong công bố bài báo.

ĐÓNG GÓP CỦA CÁC TÁC GIẢ

Đoàn Thanh Hải và Đoàn Thị Phương Diệp chịu trách nhiệm mục: Giới thiệu Phân loại và lựa chọn tạp chí luật

Đoàn Thanh Hải chịu trách nhiệm mục: Lựa chọn vấn đề nghiên cứu; Những khó khăn.

Đoàn Thị Phương Diệp chịu trách nhiệm mục: Giải pháp nhằm hướng tới gia tăng số lượng công bố quốc tế trong lĩnh vực luật.

LỜI CẢM ƠN

Chúng tôi gửi lời cảm ơn chân thành tới những góp ý quý báu của hai bình duyệt viên ẩn danh và ban biên tập của STDJELM. Chúng tôi cũng gửi lời cảm ơn chân thành đến hai bạn Trần Văn Hoàng, công ty luật Vilakey, và Trần Thị Thu Trang, HLU vì những góp ý cảm nhận và rà soát về mặt chính tả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Murray R. Writing for academic journals. McGraw-Hill Education (UK). 2013;.
2. Dobusch L, Heimstädt M. Predatory publishing in management research: A call for open peer review. *Manag Learn.* 2019;50(5):607–619. Available from: <https://doi.org/10.1177/1350507619878820>.
3. Steele C, Butler L, Kingsley D. The publishing imperative: the pervasive influence of publication metrics. *Wiley Online Libr.* 2006;19(4):277–290. Available from: <https://doi.org/10.1087/095315106778690751>.
4. Crespi GS. Ranking International and A Survey of Expert Opinion. 1995;1:2016.
5. Crespi GS. Ranking Specialized Law Reviews: A Methodological Critique. *Fla St UL Rev.* 1998;26(4):837.
6. Korobkin R. Ranking journals: Some thoughts on theory and methodology. *Fla St UL Rev.* 1998;26:851.
7. Genoni P, Haddow G. ERA and the ranking of Australian humanities journals. *Aust Humanit Rev.* 2009;46. Available from: <https://doi.org/10.22459/AHR.46.2009.01>.
8. Jarvis RM, Coleman P. Ranking law reviews by author prominence - Ten years later. *Law Libr J.* 2007;99(3):573–588.
9. Gestel R. Sense and non-sense of a European ranking of law schools and law journals. *Leg Stud.* 2015;35(1):165–185. Available from: <https://doi.org/10.1111/lest.12050>.
10. Saunders NH. Student-Edited Law Reviews: Reflections and Responses of an Inmate. *Duke Law J.* 2000;49(6):1663. Available from: <https://doi.org/10.2307/1373055>.

11. Doyle J. The Law Reviews: Do Their "Paths of Glory Lead But to the Grave"? J Appell Pract Process [Internet]. 2009;10(1). Available from: <https://ssrn.com/abstract=1347069>.
12. Smyth R. Who publishes in Australia's top law journals? Vol. 35, University of New South Wales Law Journal. 2012;p. 201–245.
13. Shapiro FR, Pearse M. The most-cited law review articles of all time. Mich Law Rev. 2012;110(8):1483–1520.
14. Trung HX. Cảnh giác với những tạp chí "ăn xối." Khoa học&Phát triển [Internet]. 2020;Available from: <https://tiasang.com.vn/-quan-ly-khoa-hoc/Canh-giac-voi-nhung-tap-chi->.
15. Doan HT, Doan DTP, others. Post-mortem Reproduction from a Vietnamese Perspective - an Analysis and Commentary. Asian Bioeth Rev. 2020;p. 1–32.
16. Baxter L, Christina H, Malcolm T. Academic Career Handbook [Internet]. 1998;p. 230. Available from: <https://books.google.com/books?id=zUPIAAAQBAJ&pgis=1>.
17. Juris O. Submissions [Internet]. [cited 2020 Jan 16];Available from: <http://opiniojuris.org/contribution-policy/>.
18. AJIL. Instructions for Authors [Internet]. AJIL;Available from: <https://www.cambridge.org/core/journals/american-journal-of-international-law/information/instructions-contributors>.
19. Bradley CA, Helfer LR. Tips for Publishing in AJIL. AJIL [Internet]. 2019;Available from: <https://www.cambridge.org/core/services/aop-file-manager/file/5dcc2e17843bea9f0a610946/AJIL-Tips-for-Authors.pdf>.
20. Korobkin R. Ranking journals: Some thoughts on theory and methodology. Fla St UL Rev. 1998;26(4):851.
21. Giles MW, Garand JC. Ranking political science journals: Reputational and citational approaches. PS - Polit Sci Polit. 2007;40(4):741–751. Available from: <https://doi.org/10.1017/S1049096507071181>.
22. Crespi GS. Ranking the Environmental Law, Natural Resources Law , and Land Use Planning Journals : A Survey of Expert Opinion. 1998;23(1).
23. Perez O, Bar-Ilan J, Cohen R, Schreiber N. The network of law reviews: Citation cartels, scientific communities, and journal rankings. Mod Law Rev. 2019;82(2):240–268. Available from: <https://doi.org/10.1111/1468-2230.12405>.
24. Rodell F. Goodbye to law reviews. Va Law Rev. 1936;81(8):38–45. Available from: <https://doi.org/10.2307/1067669>.
25. David MS. That's Interesting: Towards a Phenomenology of Sociology and a Sociology of Phenomenology. Philos Soc Sci. 1971;4:309–344. Available from: <https://doi.org/10.1177/004839317100100211>.
26. Strunk W. The elements of style. Penguin. 2007;.
27. Meyer S. Review of The Sense of Style: The Thinking Person's Guide to Writing in the 21st Century. J Acad Writ. 2015;Available from: <https://doi.org/10.18552/joaw.v5i2.229>.
28. Pinker S. The sense of style: The thinking person's guide to writing in the 21st century. Penguin Books. 2015;.
29. Shattell MM, Chinn P, Thomas SP, Cowling WR. Authors' and Editors' Perspectives on Peer Review Quality in Three Scholarly Nursing Journals. J Nurs Scholarsh. 2010;PMID: 20487187. Available from: <https://doi.org/10.1111/j.1547-5069.2009.01331.x>.
30. Pierson CA. Reviewing Journal Manuscripts. 2015;p. 1–12.
31. Bartie S. The lingering core of legal scholarship. Leg Stud. 2010;30(3):345–369. Available from: <https://doi.org/10.1111/j.1748-121X.2010.00169.x>.
32. VanGestel R, Micklitz H-W. Revitalizing Doctrinal Legal Research in Europe: What About Methodology? 2011;Available from: <https://doi.org/10.2139/ssrn.1824237>.

Guidance in publishing in international journals for UEL students

Doan Thanh Hai, Doan Thi Phuong Diep*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

Publishing in an international journal, particularly in social science and law fields, is an arduous and challenging yet rewarding journey. Basic knowledge may boost the pace of this process; nevertheless, often early career scholars and students (or so-called young authors as a whole) do not sufficiently equip such. To provide a useful perspective for preparing to write and publish in international academic journals related to legal research by students and scholars (young authors), this article presents experience from the author in the publishing process including feedback received and advice from renowned scholars. This paper shall focus on some essential and pragmatic parts in publishing, including sorting and selecting journals, approaches to writing for an international journal, specifically, what is the topic that should be covered, and challenges for young UEL authors to publish in a journal and solutions for such. This paper shall not mention some theoretical matters, for instance, what the importance and the role of research for young authors are. This paper shall only cover the basic understanding of publishing in an international journal related to social science and jurisprudence and shall not cover issues related to publication in conference proceedings, book chapters, or topics unrelated to social science and jurisprudence. This paper concludes that (i) young UEL authors are capable of publishing internationally; (ii) International journals can be classified based on (ii.1) requirements on content and structure, or (ii.2) quality assessment; (iii) authors need (iii.1) to find journal interests, (iii.2) choose interesting and novel topics; (iv). Difficulties of young authors include an insufficient understanding of the international publication system, limited knowledge and skills. Therefore, it is necessary to equip them with the basic understanding of international publication, restructure the subject 'Scientific/ Jurisprudence research skills' and the subject system of UEL, encourage and improve international publications.

Key words: Sort of journals, Select an apt journal, Select research topics, International published approach

University of Economics and Law,
VNUHCM, Vietnam

Correspondence

Doan Thi Phuong Diep, University of
Economics and Law, VNUHCM, Vietnam

Email: diepntp@gmail.com

History

- Received: 9-12-2020
- Accepted: 19-3-2021
- Published: 08-5-2021

DOI : 10.32508/stdjelm.v5i2.735



Copyright

© VNU-HCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Hai D T, Diep D T P. **Guidance in publishing in international journals for UEL students.** *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.*; 5(1):1473-1487.